Chi tiết mã HS 8481.80.83

Mã HS	8481.80.83
Mô tả hàng hóa	Vòi, van và các thiết bị tương tự dùng cho đường ống, thân nồi hơi, bể chứa hoặc các loại tương tự, kể cả van giảm áp và van điều chỉnh bằng nhiệt / - Thiết bị khác: / - - Loại khác: / - - - Van ngắt nhiên liệu bằng plastic dùng cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.03 hoặc 87.04, với đường kính trong cửa nạp dưới 1cm
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 23:15:00
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84818083/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14576
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14576
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14576
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH, PH)	0% (trừ KH, PH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	1,2	1,2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	1,2	1,2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	2	2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục B)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	5,5	5,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13928
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13869
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13869
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13869
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13869
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13869
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13869
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E13923
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13923
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13923
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13923

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13923
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13923
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13924
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13924
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13924
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13924
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13924
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13924
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13927
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13875
AIFTA	30/12/2022	2022	16	AI!F13883
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	15.5	AI!G13883
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	15	AI!H13883
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	15	AI!I13883
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	15	AI!J13883
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	15	AI!K13883
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13914
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13914
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13914
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13914
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13914
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13914
VCFTA	2022	2022	3	VC!D13963
VCFTA	2023	2023	1	VC!E13963
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13963
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13963

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13963
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13963
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13946
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13946
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13946
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13946
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13946
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13946
AHKFTA	2022	2022	6	AKH!D13946
AHKFTA	2023	2023	4	AKH!E13946
AHKFTA	2024	2024	4	AKH!F13946
AHKFTA	2025	2025	2	AKH!G13946
AHKFTA	2026	2026	2	AKH!H13946
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13946
EVFTA	2022	2022	6,2	EV-NK!D13961
EVFTA	2023	2023	5	EV-NK!E13961
EVFTA	2024	2024	3,7	EV-NK!F13961
EVFTA	2025	2025	2,5	EV-NK!G13961
EVFTA	2026	2026	1,2	EV-NK!H13961
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13961
UKVFTA	2022	2022	6,2	UKV!D13960
UKVFTA	2023	2023	5	UKV!E13960
UKVFTA	2024	2024	3,7	UKV!F13960
UKVFTA	2025	2025	2,5	UKV!G13960
UKVFTA	2026	2026	1,2	UKV!H13960
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13960

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13940
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13940
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13940
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13940
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13940
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13940
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13940
RCEP A	2022	2022	9	RCEPT-A!D13948
RCEP A	2023	2023	8	RCEPT-A!E13948
RCEP A	2024	2024	7	RCEPT-A!F13948
RCEP A	2025	2025	6	RCEPT-A!G13948
RCEP A	2026	2026	5	RCEPT-A!H13948
RCEP A	2027	2027	4	RCEPT-A!I13948
RCEP B	2022	2022	9	B!D13948
RCEP B	2023	2023	8	B!E13948
RCEP B	2024	2024	7	B!F13948
RCEP B	2025	2025	6	B!G13948
RCEP B	2026	2026	5	B!H13948
RCEP B	2027	2027	4	B!I13948
RCEP C	2022	2022	9	C!D13948
RCEP C	2023	2023	8	C!E13948
RCEP C	2024	2024	7	C!F13948
RCEP C	2025	2025	6	C!G13948
RCEP C	2026	2026	5	C!H13948
RCEP C	2027	2027	4	C!I13948
RCEP D	2022	2022	9,1	D!D13947

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	8,2	D!E13947
RCEP D	2024	2024	7,3	D!F13947
RCEP D	2025	2025	6,4	D!G13947
RCEP D	2026	2026	5,5	D!H13947
RCEP D	2027	2027	4,5	D!I13947
RCEP E	2022	2022	9	E!D13951
RCEP E	2023	2023	8	E!E13951
RCEP E	2024	2024	7	E!F13951
RCEP E	2025	2025	6	E!G13951
RCEP E	2026	2026	5	E!H13951
RCEP E	2027	2027	4	E!I13951
RCEP F	2022	2022	9	F!D13948
RCEP F	2023	2023	8	F!E13948
RCEP F	2024	2024	7	F!F13948
RCEP F	2025	2025	6	F!G13948
RCEP F	2026	2026	5	F!H13948
RCEP F	2027	2027	4	F!I13948
VIFTA	2024	2024	6,7	VI!F12955
VIFTA	2025	2025	3.3	VI!G12955
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12955
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12955

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AIFTA 15%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (10%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 10%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8481.80 có 36 dòng thuế; dòng 8481.80.83 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Van ngắt nhiên liệu bằng plastic dùng cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.03 hoặc 87.04, với đường kính trong cửa nạp dưới 1cm.	8481.80.11 Bằng đồng hoặc hợp kim đồng; 8481.80.12 Bằng vật liệu khác; 8481.80.13 Bằng đồng hoặc hợp kim đồng; 8481.80.14 Bằng vật liệu khác; 8481.80.21 Có đường kính cửa nạp hoặc cửa thoát không quá 2,5 cm; 8481.80.22 Có đường kính cửa nạp hoặc cửa thoát trên 2,5 cm	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 8481.80.83 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 8481.80.83	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-005	BLUE	Có mã Chương 98 tương ứng	Mã 8481.80.83 có mã Chương 98 tương ứng 9849.27.10 (thuế MFN riêng: 0%). Chỉ áp dụng khi đáp ứng điều kiện của Chương 98.	- - Van ngắt nhiên liệu dùng cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.03 hoặc 87.04	26/2023/NĐ-CP	Đọc điều kiện tại Chương 98 (Nghị định 26/2023/NĐ-CP và sửa đổi).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8481.80.83. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 8481.80.83 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14576), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.